

Số: /TB-BVSN

Phú Yên, ngày tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty, đơn vị quan tâm

Bệnh viện Sản Nhi Phú Yên đang có nhu cầu mua sắm vật tư y tế năm 2023

Để có cơ sở lập dự toán mua sắm, Bệnh viện kính mời các công ty, đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm và có kinh doanh các mặt hàng yêu cầu báo giá gửi báo giá như sau:

- Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá: theo Phụ lục 1 đính kèm.
- Quý công ty, đơn vị vui lòng điền đầy đủ thông tin báo giá vào mẫu Phụ lục 2 đính kèm thông báo này.
- Báo giá vui lòng gửi về địa chỉ:
 - File điện tử về địa chỉ email pvattu.bvsn@gmail.com.
 - Bản giấy gửi về địa chỉ: Phòng VT.TBYT- Bệnh viện Sản Nhi Phú Yên
Số: 270 Trần Hưng Đạo, Phường 6, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Thời gian nhận báo giá: từ ngày có thông báo đến hết ngày: **19/5/2023**.

Thông báo được đăng tải trên website bệnh viện tại địa chỉ: <http://sannhiphuyen.vn>. Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của quý công ty, đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để biết);
- Đăng website;
- Lưu: VT.TBYT, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ĐỖ VĂN HÒA

Phụ lục 1
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ
(Đính kèm thông báo ngày /5/2023 của Bệnh viện Sản Nhi)

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Bông không thấm nước (Bông mỡ)	Bì 1Kg	kg	01
2.	Bông thấm nước	Bông thấm nước loại 1 kg, 100% cotton. Đạt tiêu chuẩn ISO	kg	01
3.	Bông y tế 25g	Bông thấm nước, 100% cotton. Gói 25g. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Gói	01
4.	Tăm bông lấy mẫu vô trùng	Que nhựa cứng, đầu bông nhỏ phù hợp lấy mẫu dịch niệu đạo, không cần môi trường chuyên chở. Được tiệt trùng và đóng gói từng cái riêng biệt.	Que	01
5.	Băng bột bó xương	Kích thước 10cm x 460cm, bột liền gạc	Cuộn	01
6.	Băng keo cá nhân	2cm x 6cm	Miếng	01
7.	Băng thun	Băng thun 3 móc. Kích thước 10cm x 3m	Cuộn	01
8.	Băng keo lụa 1,25cm x 5m	Nền bằng lụa trắng, 100 % sợi cellulose acetate. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Đạt tiêu chuẩn ISO. Kích thước: 1,25cm x 5m	Cuộn	01
9.	Băng keo cuộn co giãn	Kích thước: 10 cm x 10 m. Băng cấu tạo polyester không đan dệt, co giãn, thông thoáng. Keo Acrylic ít dị ứng, độ dính tốt, có vạch chia kích thước tiện cắt băng.	Cuộn	01
10.	Băng y tế	Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton. Kích thước: 7cm x 2,5m. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cuộn	01
11.	Gạc hút y tế	Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton, khổ 0,8m-1m. Đạt tiêu chuẩn ISO	Mét	01
12.	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp cản quang vô trùng	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp cản quang vô trùng.	Miếng	01
13.	Cầm máu mũi có ống thở	Kích thước khoảng 8cm x 1,5cm x 2cm; Có đường thở. Đạt tiêu chuẩn CE	Cái	01
14.	Cầm máu mũi không có ống thở	Kích thước khoảng 8cm x 1,5cm x 2cm. Có dây rút. Đạt tiêu chuẩn CE	Cái	01
15.	Vật liệu cầm máu bằng collagen 5cm x 8cm.	Vật liệu cầm máu bằng collagen 5cm x 8cm.	Miếng	01
16.	Bơm tiêm 1cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim	Cây	01

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
		26Gx1/2		
17.	Bơm tiêm 5cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE	Cái	01
18.	Bơm tiêm 10cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE	Cái	01
19.	Bơm tiêm 20cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE	Cái	01
20.	Bơm tiêm 50cc	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE	Cái	01
21.	Bơm cho ăn 50cc	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE	Cái	01
22.	Kim cánh bướm	Làm bằng hợp kim Niken – Crom không rỉ. Đầu kim 3 mặt vát được nhúng silicon. Chuôi kim bằng polypropylene, trong suốt. Có gắn dây nối dài 30 cm, chống xoắn, mềm dẻo, trong suốt. Không có chứa latex. Kích cỡ 25G	Cái	01
23.	Kim chích máu	Kim chích máu bằng tay.	Cái	01
24.	Kim lấy thuốc	số 18G, số 20G	Cái	01
25.	Kim luồn tĩnh mạch	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa tiêm thuốc. Các số: 18G, 20G, 22G, 24G. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	01
26.	Kim luồn tĩnh mạch an toàn cho nhi	Kích thước: Số 24G (0.7mm x 19mm). Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh, không có cổng tiêm thuốc. Catheter nhựa có 4 đường cản quang ngầm, chất liệu FEP-Teflon. Tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ Đạt tiêu chuẩn EN ISO, CE.	Cái	01
27.	Kim nha khoa	27G x 1.3/16 (0,40 x 21mm)	Cây	01
28.	Kim chọc dò và gây tê tủy sống	Kim gây tê tủy sống đầu Quincke sắc bén giúp giảm lực đâm. Có phản quang ở đuôi kim. Kích cỡ: từ 20G, 22G, 25G, 27G. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	01
29.	Dây nối truyền dịch (dài 70 - 75 cm)	Kích thước Dài 70-75cm. Dây nối máy bơm tiêm điện, hai đầu có khóa vận xoắn an toàn chịu áp lực cao. ID/OD: 1.0mm/2.0mm	sợi	01
30.	Dây nối truyền dịch (dài 140 - 150cm)	Kích thước: 140cm-150cm, Dây nối máy bơm tiêm điện, hai đầu có khóa vận xoắn an toàn chịu áp lực cao. ID/OD: 1.0mm/2.0mm	Sợi	01

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
31.	Dây truyền dịch có kim	Dây truyền dịch sử dụng một lần, đầu xoắn (Luer lock) - kim thường; sản xuất từ nhựa PVC, dài $\geq 1.500\text{mm}$, không có chất DEHP, buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích lớn hơn hoặc bằng 8,5ml. Đạt tiêu chuẩn EN ISO.	Sợi	01
32.	Bộ dây truyền dịch dùng trọng lực	Chiều dài dây 180cm. Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm. Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm. Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. Không có chất phụ gia DEHP.	Cái	01
33.	Dây truyền máu	sợi	sợi	01
34.	Khóa 3 chạc có dây	Dây dài $\geq 25\text{cm}$	cái	01
35.	Găng tay dài (sản khoa) chống dính	Giới hạn lỗi thủng: AQL= 4,0%. Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột	Đôi	01
36.	Găng tay khám, có bột	Size S, M, L. Găng tay cao su y tế có bột.	Đôi	01
37.	Găng tay phẫu thuật tiết trùng	Chất liệu cao su, tiết trùng, có bột, các số 6,5; 7; 7,5; 8	Đôi	01
38.	Túi lấy máu (túi đơn)	Túi đơn, thể tích 250ml	Túi	01
39.	Túi lấy máu (túi đôi)	Túi đôi, thể tích 250ml	Túi	01
40.	Túi lấy máu (túi ba)	Túi ba, thể tích 350ml	Túi	01
41.	Túi đo lượng máu sau sinh	70cm x 105 cm. Bì 1 cái	Cái	01
42.	Túi đựng nước tiểu	Thể tích 2000 ml	Cái	01
43.	Túi/bao đựng bệnh phẩm	Size S, M.	Túi	01
44.	Lọ đựng nước tiểu	Lọ nhựa PS, trắng trong, dung tích $\geq 50\text{ml}$, có nhãn, có nắp	Lọ	01
45.	Ống nghiệm EDTA K2	Ống nghiệm nhựa, chứa chất kháng đông EDTA. Kích thước ống: $\text{Ø}12\text{mm} \times 7,5\text{cm}$	Ống	01
46.	Ống nghiệm heparin	Ống nghiệm nhựa, chứa chất kháng đông heparin. Kích thước ống: $\text{Ø} 12 \text{ mm} \times 8 \text{ cm}$	Ống	01
47.	Ống nghiệm Tri-Na Citrat	Kích thước $\text{Ø} 12\text{mm} \times 75 \text{ mm}$, chứa Tri-Na Citrat 9NC/3,8%	Ống	01
48.	Ống nghiệm nhựa có nắp	Thể tích 5mlỐng nghiệm nhựa PS/PP 5ml ($12 \times 75\text{mm}$) có nhãn	Ống	01
49.	Ống nghiệm thủy tinh các cỡ	Các Kích thước $\text{Ø} 12\text{mm} \times 14\text{cm}$, $\text{Ø} 12\text{mm} \times 10 \text{ cm}$ và $\text{Ø} 7,5\text{mm} \times 10\text{cm}$	Ống	01
50.	Dây oxy 1 nhánh các cỡ	Chiều dài: 40cm, được tiết trùng và đóng gói riêng lẻ từng cái.	Sợi	01
51.	Dây Oxy 2 nhánh sơ sinh, trẻ em	Chứng nhận EC. Tiêu chuẩn ISO.	Sợi	01
52.	Dây oxy 2 nhánh người lớn	Dây thở oxy hai nhánh, trong suốt, dùng cho người lớn, ngạnh cong. Ống thông mềm,	sợi	01

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
		chiều dài $\geq 1.8m$, được làm từ nhựa PVC mềm		
53.	Gọng mũi đôi cannula	Gọng mũi đôi Cannula được sản xuất bằng vật liệu nhựa Plastisol dẻo không chứa DEHP, đảm bảo an toàn đối với bệnh nhân sơ sinh. Không Latex Các size 0 (đường kính ngoài 3.1mm) Size 1 (đường kính ngoài 3.6mm) Size 2 (đường kính ngoài 4.4mm) Tiêu chuẩn EN ISO	Cái	01
54.	Sonde Foley 1 nhánh	các số	Sợi	01
55.	Sonde Foley 2 nhánh	các số từ 12 đến số 30	Sợi	01
56.	Sonde Foley 2 nhánh	Số 8	Sợi	01
57.	Sonde trực tràng	Các số	Sợi	01
58.	Ống đặt nội khí quản có bóng	Từ số 3 đến số 8. Nội khí quản cong miệng bóng tròn, mềm dẻo. Có sợi cản quang. Không chất gây sốt. Không có chất latex (latex free). Tiết trùng	Ống	01
59.	Ống đặt nội khí quản không bóng	Từ số 2 đến số 4,5. Nội khí quản cong miệng bóng tròn, mềm dẻo. Có sợi cản quang. Không chất gây sốt. Không có chất latex (latex free). Tiết trùng	Ống	01
60.	Airway các số	Cái	Cái	01
61.	Canyl mở khí quản nhựa có bóng	các số	Cái	01
62.	Dây hút nhót có van	Các số 8,10,12,14,16, có van kiểm soát	Sợi	01
63.	Sonde dạ dày có nắp	các số 6, 8, 10, 12, 14, 16	Sợi	01
64.	Sonde dạ dày số 5 (có nắp và không nắp)	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO	Sợi	01
65.	Ống hút nước bọt	Gói 100 cái	Gói	01
66.	Đầu ống hút mũi bằng nhựa	sử dụng cho thủ thuật tai mũi họng	Cái	01
67.	Bộ hút điều hoà kinh nguyệt	Bộ gồm: 01 bộ Xi lanh và piston; 02 ống hút; 01 gel bôi trơn	Bộ	01
68.	Co nối máy thở	cái	Cái	01
69.	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường	Dùng đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường. Đạt tiêu chuẩn CE. Sử dụng được cho máy Nihon Kohden BSM-3562.	Bộ	01
70.	Catheter tĩnh mạch rốn	Catheter tĩnh mạch dùng làm đường dẫn để truyền thuốc, dịch vào đường động mạch của cơ thể bệnh nhân nhi, chiều dài 40cm , 1 ống /1 cái vô trùng, các số từ 3 đến 5 Fr	Cái	01
71.	Catheter tĩnh mạch trung	Bì 1cây	Bộ	01

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	tâm 2 nòng trẻ em			
72.	Kim khâu da, cơ	Các số	Cây	01
73.	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1/0	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic) số 1/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 40 mm	Tép	01
74.	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic) số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 30 mm	Tép	01
75.	Chỉ Polyglactin 910 số 2/0, kim tròn	Chỉ tan nhanh đa sợi được làm từ Polyglactin 910 phủ Poly (glycolide-co-L-lactide) PGLA (30:70) và calcium stearate, số 2/0, dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 36mm. Giữ vết khâu tốt trong vòng 7 đến 10 ngày. Tan hoàn toàn: 42 ngày. Tiêu chuẩn CE	Tép	01
76.	Chỉ Polyglactin 910 số 4/0, có chất kháng khuẩn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn Triclosan số 4/0 sợi chỉ dài ≥ 70 cm, kim tròn đầu tròn, 1/2C, dài 22 mm. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày	Tép	01
77.	Chỉ Polyglactin 910 số 6/0, 2 kim hình thang	Chỉ tan tổng hợp đa sợi được làm từ Polyglactin 910 số 6/0, sợi chỉ dài ≥ 45 cm, 2 kim hình thang, 1/4C, dài 8mm	Tép	01
78.	Chỉ Polyglycolic acid số 1	Chỉ tan đa sợi được làm từ Polyglycolic acid số 1, sợi chỉ dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 40 mm. Tiêu chuẩn CE.	Tép	01
79.	Chỉ Polyglycolic acid số 2/0	Chỉ tan đa sợi được làm từ Polyglycolic acid, số 2/0, sợi chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2C, dài ≥ 25 mm. Tiêu chuẩn CE	Tép	01
80.	Chỉ Polyglycolic acid số 3/0	Chỉ tan đa sợi được làm từ Polyglycolic acid, số 3/0, sợi chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2C dài ≥ 25 mm. Tiêu chuẩn CE	Tép	01
81.	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0 kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, sợi chỉ dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm. Tiêu chuẩn CE	Tép	01
82.	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0 kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0, sợi chỉ dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm. Tiêu chuẩn CE	Tép	01
83.	Chỉ không tan tổng hợp (nylon) số 3/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 3/0, sợi chỉ dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, chiều dài kim từ 20 mm đến 26 mm.	Tép	01
84.	Chỉ không tan tổng hợp (nylon) số 4/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 4/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 18 mm	Tép	01
85.	Chỉ polypropylene số 2/0,	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm từ	Tép	01

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	2 kim tròn	polypropylene số 2/0, sợi chỉ dài 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, dài ≥ 25 mm. Tiêu chuẩn CE		
86.	Chỉ thép số 5 kim hình vuông	Chỉ thép để khâu xương ức trong phẫu thuật tim và lồng ngực, số 5, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn đầu cắt 1/2C, dài 55mm. Tép 4 sợi. Kim bằng thép Ethalloy, thân kim hình vuông có rãnh chống xoay. Đóng gói tiết trùng bằng tia gama từng tép	Tép	01
87.	Lưỡi dao mổ các số	Từ số 10 tới số 12. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	01
88.	Lưỡi cắt VA-Amidal Plasma	Sử dụng cho cho máy Peak Plasma Blade - Lưỡi cắt được tích hợp 1 đầu cắt thẳng và đầu cắt cong có thể uốn cong được phù hợp với từng ca phẫu thuật riêng biệt. - Tay cầm được thiết kế có hai nút cut màu vàng và coag màu xanh thay cho bàn đạp chân khi cần - Tay cầm được kết hợp ống hút, làm tăng khả năng cắt đốt và cầm máu trong quá trình phẫu thuật	Cái	01
89.	Tay dao mổ điện	Tay dao mổ điện dùng được cho nhiều loại dao mổ điện cao tần. Chiều dài: 3m. Kiểu giắc cắm: giắc dẹt 3 chân tròn. Nút bấm tay dao: 2 nút. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016. Túi 1 cái	Cái	01
90.	Phim X quang	Phim X quang ướt siêu nhạy. Kích thước 24cm x 30cm	Tấm	01
91.	Phim X quang	Phim X quang ướt siêu nhạy. Kích thước 35cm x 35cm	Tấm	01
92.	Film Nha khoa	3x4 cm	Tờ	01
93.	Giấy đo điện tim 3 cần	63mm x 30m x17 mm	Cuộn	01
94.	Giấy đo điện tim 6 cần	110mm x 140mm x142 tờ. Sử dụng được cho máy Nihon Kohden model ECG-1250K	Tập	01
95.	Giấy in nhiệt	Giấy in nhiệt các cỡ, dùng cho máy nước tiểu, điện giải, máy miễn dịch	Cuộn	01
96.	Giấy monitor sản khoa	152mm x 90mm x 150 tờ	Tập	01
97.	Giấy monitor sản khoa	150mm x100mm x150 tờ	Tập	01
98.	Giấy siêu âm	110mm x 20m	Cuộn	01
99.	Đinh Kít-ne các cỡ	Đường kính từ 1.0 đến 3.5mm, dài từ 290mm đến 320 mm, một đầu nhọn, chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	01
100.	Nẹp bản hẹp căng chân	Nẹp rộng 11mm, dày 4mm, 6 lỗ; 8 lỗ; 10 lỗ. Chất liệu thép không gỉ, nẹp được dùng với vít 4.5mm, lỗ vít hình giọt nước tạo chức	Cái	01

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
		năng nén ép. Tiêu chuẩn ISO, CE		
101.	Nẹp bản nhỏ 5,6,7,8 lỗ dùng vít 3,5mm (loại mỏng)	Vật liệu thép không rỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE; 1cái/bì	Cái	01
102.	Nẹp bản rộng (xương đùi) 6 -> 10 lỗ	Rộng 16mm, dày 4.5mm, dài từ 103 đến 167mm. từ 6->10 lỗ, lỗ vít tự nén ép, dùng vít 4.5mm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO. Chất liệu thép không rỉ, 1cái/gói	Cái	01
103.	Nẹp căng tay	Làm từ vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông, băng nhám dính khóa Velcro và bản nẹp hợp kim nhôm. Dùng hỗ trợ sơ cứu chấn thương xương khớp, cân cơ. Các số S, M, L. Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	01
104.	Nẹp gỗ chân, tay	Các số. Tiêu chuẩn ISO	Bộ	01
105.	Nẹp khóa chữ T nhỏ các cỡ (3x4 lỗ, 3x5 lỗ)	Nẹp khóa, 3 lỗ đầu, 4 hoặc 5 lỗ thân, dài từ 41 đến 49mm, dày 1.8mm, dùng vít khóa 2.4; 2.7mm; vít thường 2.7mm, đạt tiêu chuẩn ISO, CE - chất liệu thép không rỉ,	Cái	01
106.	Vít xương cứng đường kính 3.5mm dài các cỡ	Đường kính vít 3.5mm. Dài từ 16mm đến 40mm, bước ren 1.75mm, đầu vít lục giác, đạt tiêu chuẩn CE, ISO, chất liệu thép không rỉ	Cái	01
107.	Vít xương cứng đường kính 4.5mm dài các cỡ	Đường kính vít 4.5mm. Dài từ 20mm đến 60mm, đầu vít lục giác, chất liệu thép không rỉ, 1 cái/gói, đạt tiêu chuẩn CE, ISO	Cái	01
108.	Tấm lưới điều trị thoát vị 6 x 11cm	Tấm lưới điều trị thoát vị bằng Poly propylene, trơ, ít gây phản ứng mô, lực giữ chắc chắn. Kích thước nhỏ 6cm x 11 cm dùng trong mổ hở thoát vị bẹn. Đóng gói tiệt trùng bằng tia gama từng miếng. Hộp/3 Miếng	Miếng	01
109.	Chêm gỗ 1cm	gói 10 cái	Gói	01
110.	Chổi đánh bóng nha chu	Công dụng đánh bóng cạo vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác. Chổi cước có độ bền cao, có thể hấp tái sử dụng nhiều lần. Hộp 144 cái	Cái	01
111.	Composite lỏng	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, loại lỏng	Ống	01
112.	Côn giấy nha khoa	Côn có tính thấm hút cao, vô trùng, nhiều kích cỡ khác nhau và được mã hóa màu	Hộp	01
113.	Cone phụ A,B,C,D	Cone phụ được cuốn bằng tay và kiểm soát laser bằng máy vi tính. Cone có vạch chia	hộp	01

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
		với các chiều dài 18mm, 19mm, 20mm, 22mm, 24mm. Với các size: A,B, C, D. Hộp 6 ống		
114.	Cone Protaper	Cone chính sử dụng trám bít ống tủy. Các số	Hộp	01
115.	Đai trám kim loại (Matrix Band hoặc tương đương)	Gói 10 cái	Gói	01
116.	EUGENATE trám tạm		Hộp	01
117.	EUGENOL nha khoa	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa, thể tích tối thiểu 30ml/chai	Chai	01
118.	Hydroxide Canxi	Lọ 10g	Lọ	01
119.	Keo dán nha khoa		Lọ	01
120.	Kim gai lấy tủy răng	Các số	Vì	01
121.	Lentulo	Thép không gỉ, Kích thước 21mm, 25mm. Tiêu chuẩn ISO	Hộp	01
122.	Mặt gương nha khoa	Inox không gỉ. hộp 12 cái	cái	01
123.	Mũi đánh bóng composite		Cái	01
124.	Mũi khoan nha khoa	Các số	Cái	01
125.	Mũi mở tủy tránh thùng sản tủy Endo-Z	Chiều dài mũi: 21/ 25mm (chiều dài đầu làm việc 9mm)	Mũi	01
126.	Sò đánh bóng	Là bột đánh bóng sau cạo vôi, mùi vị tuyệt vời với nhiều hương, mịn, dùng loại bỏ mảng bám. Tiêu chuẩn ISO	Cái	01
127.	Thuốc trám răng (Fuji IX hoặc tương đương)	Hộp (15g + 8ml)	Hộp	01
128.	Trâm điều trị tủy răng (Reamer)		Hộp	01
129.	Trâm protaper quay tay	Trâm có độ linh hoạt cao, dẻo, dễ uốn cong theo hình dạng ống tủy .Hộp 4 mũi	Hộp	01
130.	Bộ Mask thở khí dung người lớn, Trẻ em	Làm bằng nhựa PVC y tế Có kẹp mũi loại điều chỉnh được Mặt nạ có dây đeo. Có ống thở dài 2m Kích cỡ có sẵn: S, M, L, XL Đóng gói riêng trong túi PE. Tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	01
131.	Mask gây mê các số (kể cả sơ sinh)	Số 0,1: sơ sinh Chất liệu nhựa PVC y tế, không gây kích ứng. Mask gây mê có đủ kích cỡ, Phù hợp, dễ thao tác khi sử dụng và tương thích với các thủ thuật và thiết bị của các bệnh viện. Tiêu chuẩn EN ISO	cái	01
132.	Mask Oxy nồng độ cao trẻ em +dây	gồm: túi hơi dùng dự trữ oxy kết nối với ống lồi được mở an toàn, mặt nạ có dây đeo an toàn, kẹp mũi giúp điều chỉnh được size M,	Bộ	01

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
		L, XL tương ứng cho trẻ em		
133.	Mask Oxy nồng độ cao người lớn+dây	gồm: túi hơi dùng dự trữ oxy kết nối với ống lõi được mở an toàn, mặt nạ có dây đeo an toàn, kẹp mũi giúp điều chỉnh được size M, L, XL tương ứng cho người lớn.	Cái	01
134.	Khẩu trang y tế 4 lớp	04 lớp. Với 02 lớp ngoài: Vải không dệt được làm từ polypropylene, 02 lớp giữa: Vải lọc được làm từ polypropylene đạt tiêu chuẩn, không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn	Cái	01
135.	Băng keo chỉ nhiệt hấp ướt	Kích thước: 1,2 cm x 55m. Gồm lớp keo dính, băng nền và vạch chỉ thị hóa học.	Cuộn	01
136.	Đầu cole vàng	Thể tích 200 µl	Cái	01
137.	Đầu cole xanh	Thể tích 1000 µl	Cái	01
138.	Đè lưới gỗ	Hộp 100 cái	cái	01
139.	Điện cực dán	cái	Cái	01
140.	Túi Camera mổ nội soi vô trùng	15cm x 2,35cm. Vô trùng 1 túi, 1 cái	Túi	01
141.	Lọc khuẩn cho máy thở 3 chức năng	cái	cái	01
142.	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	01
143.	Casset	Vật liệu nhựa có nắp	Hộp	01
144.	Chai cấy máu 2 pha	Chai bằng nhựa Polystyrene với vách ngăn thành 2 phần. Phần thứ nhất là pha đặc với BHI agar. Phần thứ hai là BHI lỏng. Đạt tiêu chuẩn ISO	Chai	01
145.	Giấy lau thấu kính	Tập 100 tờ	Tập	01
146.	Giấy lọc	Giấy lọc hóa chất sử dụng 1 lần, đường kính 190mm	Tờ	01
147.	Hộp petri nhựa	Môi trường nuôi cấy vi sinh sử dụng 1 lần. Chất liệu polystyrene trong suốt. Hộp có nắp, đường kính 90 mm, tiệt trùng.	Hộp	01
148.	Lam kính nhám	Lam kính làm bằng thủy tinh: Soda-lime trắng, hình chữ nhật, kích thước 26mm x 76mm x 1cm. Tiêu chuẩn ISO và CE. Hộp/50 cái	Hộp	01
149.	Lam kính nhám	Lam kính làm bằng thủy tinh, hình chữ nhật, bề mặt trơn láng. phần đầu được làm nhám. Đường kính 25,4mm x 76,2mm; độ dày: 1,0 – 1,2mm. Tiêu chuẩn ISO	Cái	01
150.	Lamen	Kích thước 22mm x 40mm, Chất liệu bằng thủy tinh, không mốc, không xước. Hộp 100	Hộp	01

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
		cái.		
151.	Lamen	Kích thước: 22mm x 22mm. Hộp 100 cái	Hộp	01
152.	Pipet nhựa 3ml	Thể tích 3ml. Thùng/ 500 cái	Cái	01
153.	Pipet nhựa 5ml	Thể tích 5ml. Thùng/ 500 cái	Cái	01
154.	Ống mao dẫn Haematokrit	75mm/75 μ l. Lọ 100 ống	Lọ	01
155.	Huyết áp kế	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg; Bộ sản phẩm bao gồm: 01 Bao đo kèm quả bóp và đồng hồ,	Cái	01
156.	Huyết áp nhi	Máy đo huyết áp cơ với vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn (không bị lệch điểm không). Tai nghe có độ khuếch đại lớn.	Cái	01
157.	Bao vải máy đo huyết áp		Cái	01
158.	Ống nghe	Ống dẫn bằng chất liệu cao su chống oxy hoá Bộ phận khuếch đại âm thanh Làm bằng chất liệu Aluminum, Màng khuếch đại có độ nhạy âm cao Đạt tiêu chuẩn CE; ISO 13485	Cái	01
159.	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Cái	Cái	01
160.	Bao cao su	Cái	Cái	01
161.	Bóp bóng giúp thở (người lớn và trẻ em)	cái	Cái	01
162.	BUMP (Bom) dùng cho máy khí máu Opti CCA-TS2	Cái	Túi	01
163.	Dây Garô	Sợi	Sợi	01
164.	Đèn cực tím 90 cm	Cái	Cái	01
165.	Khăn lông	Khăn sử dụng 100% cotton cao cấp; màu trắng thấm hút nước tốt, không gây kích ứng da; kích thước 60x120 cm, trọng lượng QC 285g, khăn tiệt trùng. B/ 1 cái	Cái	01
166.	Kim rửa tai bằng nhựa		Cái	01
167.	Mũ giấy y tế	1cái/gói	Cái	01
168.	Nhiệt kế thủy ngân	Chiếc	Chiếc	01
169.	Nhiệt kế tủ lạnh		Cái	01
170.	Chổi phết tế bào âm đạo	Thu mẫu tế bào cổ tử cung. Các sợi lông mềm và bán tròn	Cái	01
171.	Que phết tế bào âm đạo (Spatula)	Cây có dạng thanh dẹp, các góc cạnh trơn láng. Kích thước 180x18x2mm	Que	01
172.	Que thử thai		Cái	01

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy cách yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
173.	Vòng tránh thai chữ T	Dụng cụ vô trùng đặt vào tử cung để tránh thai, hình chữ T bằng nhựa dẻo, có ống đồng khoảng 66.5 mg, có dây ở cuối ngành dọc giúp lấy ra dễ dàng, có thước đo và ống đặt. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	01
174.	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn	Dùng để ghi lại các thông tin quan trọng, để nhận dạng và được gắn vào cổ tay bệnh nhân: tên, tuổi, giới tính, khoa, phòng điều trị Chất liệu: PVC Kích thước: 24 cm	Cái	01
175.	Vòng đeo tay trẻ em	Dùng để ghi lại các thông tin quan trọng, để nhận dạng và được gắn vào cổ tay bệnh nhân: tên, tuổi, giới tính, khoa, phòng điều trị Chất liệu: PVC Kích thước: 17 cm	Cái	01

Phụ lục 2
BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm thông báo ngày /5/2023 của Bệnh viện Sản Nhi Phú Yên)

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Tiêu chuẩn, Quy cách <i>(Theo mặt hàng của công ty)</i>	Hãng/ Nước sản xuất	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
1										
2										

(Giá chào đã bao gồm thuế tất cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và các chi phí khác có liên quan để thực hiện gói thầu).